

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 548/2023/DS-ST

Ngày: 26-9-2023

V/v tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Hoàng Nam**

2. Ông **Phạm Văn Tuyền**

Thư ký phiên tòa:

Tại điểm cầu trung tâm: Bà **Châu Nguyễn Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại điểm cầu thành phần: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 336/2023/TLST-DS ngày 27/6/2023 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”, theo hình thức trực tuyến, điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh – số 4 đường số 3, khu trung tâm hành chính huyện, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số

466/2023/QĐXXST-DS ngày 08/8/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 384/2023/QĐST-DS ngày 30/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tr**, sinh năm: 1987. Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt không lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Đỗ Đắc Đ**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào tháng 7/2018 và đến hết năm 2019, bà Nguyễn Thị T có cho bà Nguyễn Thị Mỹ Tr mượn số tiền tổng cộng 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Thời gian cụ thể như sau:

- Ngày 3/7/2018, bà T có đưa cho bà Tr số tiền 50.000.000 đồng, việc giao nhận tiền này không có lập giấy tờ do chị em quen biết nhau.

- Ngày 27/8/2018, bà T có đưa cho bà Tr số tiền 30.000.000 đồng tiền mặt, không viết giấy tờ vay mượn.

- Ngày 04/3/2019, bà T chuyển khoản 20.000.000 đồng vào tài khoản của bà Tr.

- Ngày 19/3/2019, bà T chuyển khoản 30.000.000 đồng và nộp vào tài khoản của bà Tr số tiền 70.000.000 đồng.

- Ngày 13/5/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 11/6/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 10.000.000 đồng.

- Ngày 31/7/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 20.000.000 đồng.

- Ngày 15/8/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 15.000.000 đồng.

- Ngày 30/8/2019 bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 35.000.000 đồng.
- Ngày 7/10/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 5.500.000 đồng.
- Ngày 23/10/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 13.000.000 đồng.
- Ngày 31/10/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 25.000.000 đồng.
- Ngày 01/11/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 5.000.000 đồng.
- Ngày 16/12/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 10.000.000 đồng.
- Ngày 30/12/2019, bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr 9.000.000 đồng. Bà T và bà Tr đã thỏa thuận là kể từ ngày 30/12/2019 số tiền bà T đưa cho bà Tr tổng cộng là 500.000.000 triệu đồng. Đã nhiều lần bà T yêu cầu bà Tr trả lại số tiền đã mượn nhưng bà Tr trốn tránh, không hợp tác.

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ Tr trả số tiền đã nhận là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Tuy nhiên, nay tại phiên tòa bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút lại khởi kiện đối với số tiền 132.500.000 (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bà T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ Tr trả số tiền 367.500.000 (Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đắc Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện đòi tài sản yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ Tr trả tiền, bà Tr có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Căn cứ vào các sao kê chi tiết giao dịch của bà Nguyễn Thị T số tài khoản 100006815340 thể hiện các giao dịch như sau:

- Giao dịch ngày 04/3/2019: số tiền 20.000.000 đồng, tên đối ứng nguyên thi my trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 19/3/2019: số tiền 30.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “ch tien hui”

- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 19/3/2019 người nộp tiền: NGUYEN THI THO, tên TK: NGUYEN THI MY TRANG, số tiền: 70.000.000 đồng, nội dung: NGUYEN THI THO NOP TM TK

- Giao dịch ngày 13/5/2019: số tiền 100.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 11/6/2019: số tiền 10.000.000 đồng, tên đối ứng nguyên thi my trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 31/7/2019: số tiền 20.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 15/8/2019: số tiền 15.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “Tho chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 30/8/2019: số tiền 35.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 07/10/2019: số tiền 5.500.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 23/10/2019: số tiền 13.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 31/10/2019: số tiền 25.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 01/11/2019: số tiền 5.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “chuyen khoan”

- Giao dịch ngày 16/12/2019: số tiền 10.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “NGUYEN THI THO Chuyen tien”

- Giao dịch ngày 30/12/2019: số tiền 9.000.000 đồng, tên đối ứng Nguyen Thi My Trang, số tài khoản 050019772222, nội dung “NGUYEN THI THO Chuyen tien”

[4] Tổng cộng số tiền bà T chuyển khoản vào tài khoản của bà Tr là 367.500.000 (Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Số tài khoản chuyển tiền và số tài khoản nhận tiền thì bà T xác nhận của bà T chuyển vào tài khoản của bà Tr. Do đó, có cơ sở xác định bà Tr có nhận số tiền chuyển khoản từ tài khoản của bà T đã chuyển khoản. Do đó, hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu của bà T yêu cầu bà Tr hoàn trả số tiền đã nhận chuyển khoản là 367.500.000 (Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

[5] Bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 132.500.000 (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện và được Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ đối với yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện.

[6] Căn cứ khoản 2 Điều 164. Biện pháp bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản, quy định:

2. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[7] Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định quyền đòi lại tài sản như sau:

1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Tr phải trả cho bà T số tiền 367.500.000 (Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tr phải chịu án phí đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận; Cụ thể, bà Tr phải chịu 18.375.000 (Mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0019800 ngày 19/06/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 164 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp đòi tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Tr.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Tr có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 367.500.000 (Ba trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Các bên thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Mỹ Tr không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Đình chỉ đối với rút yêu cầu với số tiền 132.500.000 (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tr phải chịu 18.375.000 (Mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0019800 ngày 19/06/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Kim Định